

Bản án số: 74/2018/HSST
Ngày: 16/5/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH SƠN LA**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Thôn; ông Vi Văn Đồi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quang Hùng, thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa: Bà Lò Thị Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Sơn La. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 45/2018/HSST ngày 29 tháng 01 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/QĐXXST-HS ngày 04/4/2018 đối với bị cáo sau đây:

Họ và tên: Vàng A L, sinh ngày 05/10/1989; nơi ĐKKHKT: Bản N, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La; dân tộc: Mông; tôn giáo: Không; Chức vụ, đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam. Bị Ủy ban kiểm tra huyện ủy ra Quyết định đình chỉ sinh hoạt số: 82 ngày 26.01.2018; nghề nghiệp: Trưởng bản; trình độ văn hóa: 5/12; con ông: Vàng A D (đã chết); còn bà: Lò Thị G; vợ: Sòng Thị S; tiền án, tiền sự: Không. Hiện đang thực hiện lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại bản: Bản N, xã C, huyện S. Có mặt tại phiên tòa.

Nguyên đơn dân sự: Bản N, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La. Đại diện là ông: Vàng A G - Phó Trưởng bản. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình Vàng A L đã được cấp đất canh tác 21.600m², theo Quyết định số Q 266613 ngày 05/4/2000 của UBND huyện S. Vì thiếu đất canh tác nên vào tháng 3/2016, L nảy sinh ý định chặt phát rừng để mở rộng sản xuất nên rủ vợ là Sòng Thị S đi chặt phá rừng là nương cũ của gia đình trước đây. Trong 03 ngày đầu, vợ chồng L dùng dao quắm chặt phát những bụi tre và cây gỗ nhỏ. Ngày thứ tư, L dùng máy cưa đốn hạ những cây có đường kính lớn, còn S dùng dao quắm

chặt tía những cành cây do L chặt hạ. Hai vợ chồng L chặt phát liên tục trong vòng 04 ngày thì nghỉ. Khoảng 01 tháng sau, thấy những cây bị chặt hạ đã khô, vợ chồng L dùng lửa đốt khoanh rừng đã phát. Đến tháng 5/2016, L trồng lúa xen kẽ cùng cây Sơn Tra, Cam, Chanh trên diện tích đất đó. Đến đầu tháng 5/2017 hành vi của Vàng A L bị phát hiện.

Ngày 25/5/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện phối hợp với Viện kiểm sát, Hạt kiểm lâm huyện S và chính quyền xã C tiến hành khám nghiệm hiện trường, sử dụng máy định vị GPS tiến hành đo đạc, xác định diện tích rừng do Vàng A L chặt phá là 10.363m².

Tại kết luận định giá tài sản số 220 ngày 15/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc UBND huyện S kết luận:

+1.321 cây gỗ có đường kính dưới 11cm, trị giá: 66.100.000 đồng.
+180 cây gỗ tròn nhóm VI có đường kính từ 12cm đến 55cm, khối lượng 62,102 m³, trị giá: 111.800.000 đồng
+ 150 cây tre có đường kính từ 06cm trở xuống, trị giá: 3.000.000 đồng.

Tổng giá trị thiệt hại là: 180.900.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu chín trăm nghìn).

Hành vi chặt phá 10.363m² rừng phòng hộ làm nương của Vàng A L đã vượt quá mức tối đa xử phạt hành chính được quy định tại điểm C khoản 5 Điều 20 Nghị định số 157/2013/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 11/11/2013; Nghị định số 40/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 157/2013/NĐ-CP của Chính Phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản; Điều 12 Luật bảo vệ và phát triển rừng ngày 03/12/2004, quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.

Căn cứ điểm b mục 3.6 phần III Thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT-BNN&PTNT-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 08/3/2007 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn- Bộ tư pháp- Bộ công an - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số điều của bộ luật hình sự về các tội phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản nên hành vi của Vàng A L bị khởi tố và bị truy tố về hình sự.

Tại cơ quan Điều tra xác định được như sau:

Vàng A L mới được bầu làm trưởng bản N năm 2015, song L không được bàn giao bất cứ giấy tờ gì liên quan đến đất, rừng hay tiền quỹ từ Ban quản lý bản N cũ. Xuất phát từ thiếu đất canh tác sản xuất và do thiếu sự thống nhất giữa Ban quản lý bản nên Vàng A L đã rủ vợ đến khu rừng là nương cũ của gia đình trước đây để chặt phát rừng làm nương. Sự việc bị phát hiện, chính quyền bản, xã C và các cơ quan chức năng đến can thiệp, Vàng A L đã dừng ngay việc canh tác, sản xuất trên mảnh đất này. Tính từ khi chặt phá rừng làm nương L đã trồng được 02 vụ lúa.

Bản cáo trạng số 10/CT-VKSSM ngày 28 tháng 01 năm 2018, của Viện Kiểm sát nhân dân huyện S truy tố Vàng A L về tội Hủy hoại rừng, quy định tại điểm b khoản 3 Điều 189 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi vi phạm pháp luật của mình và đã tự nguyện bồi thường thiệt hại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện S số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu). Nay đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

Nguyên đơn dân sự ông Vàng A G xác nhận: Cộng đồng bản N, xã C được giao quản lý khu rừng Huổi C làm rừng phòng hộ, thuộc rừng cấm chặt phá. Hộ gia đình ông L chặt phá thuộc tiểu khu 666, khoảnh 1, lô G. Từ khi được giao rừng, Bản chỉ làm công tác quản lý, bảo vệ chưa được đầu tư gì. Do không được đầu tư nên không yêu cầu bị cáo bồi thường. Đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương, để có điều kiện chăm sóc và trồng lại mảnh rừng đã phá.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 3 Điều 189; điểm b, p, khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 30 đến 36 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thử thách 05 năm. Miễn phạt tiền cho bị cáo. Vật chứng xử lý theo quy định của pháp luật. Về dân sự: Chấp nhận việc bị can đã tự bồi thường, phần còn lại phải bồi thường tiếp.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện, chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, bị cáo, nguyên đơn dân sự cùng các chứng cứ khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra trước ngày Bộ luật hình sự 2015 có hiệu lực, nhưng khi xét xử thì Bộ luật hình sự 2015 đã có hiệu lực thi hành. So sánh tội "Hủy hoại rừng" của hai Bộ luật (*BLHS năm 1999*) và (*BLHS năm 2015*) thì đều có khung hình phạt như nhau, (*tức không có lợi cho người phạm tội*). Do vậy, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng các quy định tương ứng của các văn bản quy phạm pháp luật về hình sự của Bộ luật hình sự năm 1999 để giải quyết, xét xử đối với bị cáo.

[3] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn thống nhất với lời khai tại cơ quan Điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của nguyên đơn dân sự và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Thể hiện: Do thiếu đất sản xuất và chưa thống nhất được với cộng đồng bản Nhọt Có cùng chính quyền cơ sở, do thiếu đất canh tác. Bị cáo đã cùng vợ chặt phá rừng phòng hộ, rừng cấm, diện tích là: 10.363m². Gây thiệt hại về giá trị lâm sản là: 180.900.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu chín trăm nghìn*). Hành vi phá rừng của bị cáo đã phạm vào tội “*Hủy hoại rừng*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 189 Bộ luật hình sự. Như vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện S truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng, hủy hoại rừng phòng hộ, xâm phạm đến sự phát triển bền vững về tài nguyên và môi trường, gây hiểm họa khôn lường đến môi trường sinh thái. Vì vậy, cần phải được xử lý bị cáo đúng mức, nhằm cải tạo, giáo dục và để phòng ngừa chung.

[5] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội; tích cực bồi thường và khắc phục hậu quả bằng việc nộp tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện S theo biên lai 0000280 ngày 22/3/2018; tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối hận; chấp hành đúng các quyết định của cơ quan tố tụng trước khi xét xử; được chính quyền địa phương bảo lãnh. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được pháp luật quy định tại điểm b, h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 cần áp dụng cho bị cáo được hưởng. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[6] Xét quan điểm và đề xuất của Kiểm Sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ; được chính quyền địa phương bảo lãnh nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên. Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, Hội đồng xét xử quyết định chuyển từ khoản 3 xuống khung hình phạt liền kề là khoản 2 Điều 189 Bộ luật hình sự năm 1999. Và không cần thiết áp dụng tù giam, mà xem xét cho bị cáo được hưởng án treo với mức thử thách thích hợp cũng đảm bảo tính giáo dục, phòng ngừa.

[7] Đối với Sòng Thị S, chỉ tham gia phá rừng với vai trò là người giúp sức L. Quá trình phá rừng đối tượng không nhận thức được là rừng phòng hộ, hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý hình sự là có căn cứ.

[8] Về dân sự của vụ án:

- Nguyên đơn dân sự không có yêu cầu bị cáo bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Chấp nhận việc bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả 20 triệu đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện S. Số tiền còn lại bị cáo sẽ phải bồi thường tiếp.

[9] Về vật chứng của vụ án: Chỉ thu hồi được 01 máy cưa xích, cần tịch thu xử lý theo quy định của pháp luật.

[10] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có khả năng thi hành nên không áp dụng (*phạt tiền*) đối với bị cáo.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Vàng A L phạm tội Hủy hoại rừng.

1. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 189; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Vàng A L 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thử thách 05 năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (16/5/2018). Miễn phạt tiền cho bị cáo.

Giao bị cáo cho UBND xã C, huyện S, tỉnh Sơn La theo dõi, giáo dục.

"Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự"

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự 1999; điểm a, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) máy cưa xích màu cam-bạc-đen, máy không có lưỡi cưa, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong máy, máy không có nhãn hiệu.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện S).

3. Về Dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, khoản 1 Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Vàng A L bồi thường cho Nhà nước (*Sung ngân sách Nhà nước*) số tiền là 180.900.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu chín trăm nghìn*), nhưng được khấu trừ: 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu*) tiền bồi thường theo biên lai số 0000280 ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Sơn La.

Bị cáo phải bồi thường tiếp là 160.900.000 đồng (*Một trăm sáu mươi triệu chín trăm nghìn*).

"Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 21, 23 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng; án phí dân sự 8.045.000 đồng. Tổng cộng: 8.245.000 đồng (*Tám triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn*).

Bị cáo, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh;
- VKS huyện;
- Thị hành án hình sự;
- Thị hành án dân sự;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh;
- L- u HS;
- Lưu VP.

Lường Văn Quyết